

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện tình giản biên chế năm 2018 của tỉnh Bình Định

Thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm kết quả tình giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; UBND tỉnh Bình Định báo cáo kết quả tình hình thực hiện tình giản biên chế năm 2018, cụ thể như sau:

1. Về công tác chỉ đạo triển khai thực hiện

- UBND tỉnh Bình Định đã phê duyệt kế hoạch tình giản biên chế của tỉnh giai đoạn 07 năm (2015 - 2021) và kế hoạch tình giản từng năm đối với tất cả các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp. Trong đó, tình giản biên chế công chức giai đoạn 2015 - 2021 là 259 biên chế, đạt tỷ lệ 10,3%; tình giản biên chế viên chức giai đoạn 2015 - 2021 là 2.451 biên chế, đạt tỷ lệ 8,2% so với biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao của năm 2015 (*trong đó: Sự nghiệp y tế giảm 546 biên chế, đạt tỷ lệ 9,0%; sự nghiệp giáo dục và đào tạo giảm 1.706 biên chế, đạt tỷ lệ 7,9%; sự nghiệp văn hoá thông tin, thể thao giảm 57 biên chế, đạt tỷ lệ 10,5%; sự nghiệp khác giảm 136 biên chế, đạt tỷ lệ 8,6%, các hội đặc thù giảm 6, đạt tỷ lệ 5,6%*).

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 06/3/2018 về thực hiện tình giản biên chế năm 2018, theo đó chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác tuyên truyền Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện chủ trương tình giản biên chế; đồng thời, thực hiện rà soát chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức bộ máy và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 02/02/2018 về tăng cường công tác quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức và giao Sở Nội vụ tiến hành rà soát tình hình sử dụng biên chế và tình giản biên chế báo cáo UBND tỉnh (Công văn số 188/UBND-TH ngày 12/01/2018, Công văn số 273/UBND-NC ngày 17/01/2018).

- Sở Nội vụ ban hành Công văn số 114/SNV-TCBC ngày 01/02/2018 đề nghị các đơn vị, địa phương rà soát lại kế hoạch tình giản biên chế giai đoạn 2018 - 2021 gắn với việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, giảm tối đa các đầu mối bên

trong và cơ cấu hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện điều chỉnh, bổ sung kế hoạch tinh giản biên chế đảm bảo đến năm 2021 tỷ lệ tinh giản đạt ít nhất 10% so với năm 2015.

- Sở Nội vụ ban hành Kế hoạch số 418/KH-SNV ngày 03/4/2018 về kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng biên chế và thực hiện tinh giản biên chế để làm cơ sở xây dựng phương án cắt giảm biên chế chưa sử dụng hết, biên chế sử dụng không đúng với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

2. Kết quả thực hiện tinh giản biên chế

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, trong năm 2018 tỉnh Bình Định đã thực hiện tinh giản 406 biên chế (công chức: 47 biên chế, viên chức: 357 biên chế, các tổ chức hội: 02 biên chế). Cụ thể:

a) Giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ: 73 người.

- Tinh giản biên chế công chức: 08 người (Công chức các sở, ban, ngành tỉnh: 02 người; Công chức các huyện, thị xã, thành phố: 06 người);

- Tinh giản biên chế viên chức: 36 người:

+ Viên chức các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: 21 người (sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 04 người, sự nghiệp y tế: 08 người, sự nghiệp khác: 09 người);

+ Viên chức các huyện, thị xã, thành phố: 15 người (sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 14 người, sự nghiệp khác: 01 người).

- Giải quyết chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức cấp xã và công chức khối Đảng: 29 người (cấp xã: 28 người; khối Đảng: 01 người).

- Tổng kinh phí thực hiện chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế cho 73 cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã là: 6.809.868.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu tỉ, tám trăm lẻ chín triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

(Có Phụ lục kèm theo)

b) Chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang thực hiện cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính, nhà nước không giao biên chế: 99 biên chế.

c) Số lượng người nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc ngay theo quy định của pháp luật là 263 biên chế (Công chức: 39 biên chế, Viên chức: 222 biên chế, các tổ chức hội: 02 biên chế).

Như vậy, việc tinh giản biên chế ở địa phương trong thời gian qua đảm bảo đúng theo các quy định của Trung ương về đối tượng, điều kiện và tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức cần phải sắp xếp bố trí lại sau khi rà soát chức năng nhiệm vụ, sắp xếp lại tổ chức bộ máy. Đồng thời, tỉnh cũng đã tạo điều kiện cho số

người trong diện tinh giản biên chế mà còn có sức khỏe, có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật tốt nhưng hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đi đào tạo lại để tiếp tục công tác hoặc chuyển nghề cho phù hợp.

Trên đây là kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2018 của tỉnh, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K12.

Bu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng



BIỂU SỐ 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2018
(Kèm theo Báo cáo của UBND tỉnh Bình Định ngày 08 / 3 /2019 của UBND tỉnh Bình Định)

TT	Tên cơ quan, đơn vị trực thuộc	Số người được hưởng chính sách tình giản biên chế năm 2018					Kinh phí chi cho tình giản biên chế năm 2018 (1000 đồng)					Chia theo nguồn kinh phí thực hiện	
		Tổng số	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang tổ chức khác	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi đi học	Tổng cộng	Kinh phí chi cho người về hưu trước tuổi	KP chi cho những người chuyển sang cơ sở không sử dụng KPTX từ NSNN	Kinh phí chi cho những người thôi việc ngay	Kinh phí chi cho những người thôi việc sau khi đi học nghề	Kinh phí cơ quan chi từ dự toán ngân sách hàng năm, nguồn thu, nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư	Ngân sách nhà nước cấp
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
I.	Khối hành chính	38	28	0	9	1	2,814,793	2,231,768	86,903	432,964	63,158	61,166	2,753,627
1	Khối các Sở, ngành	2	2	0	0	0	251,301	251,301	0	0	0	0	251,301
1.1	Sở Giao thông vận tải	1	1				123,738	123,738					123,738
1.2	Sở Nông nghiệp và PTNT	1	1				127,563	127,563					127,563
2	UBND cấp huyện	7	7	0	0	0	813,464	813,464	0	0	0	0	813,464
2.1	Huyện An Lão	1	1				52,164	52,164					52,164
2.2	Huyện Hoài Nhơn	1	1				146,479	146,479					146,479
2.3	Huyện Phù Mỹ	1	1				104,788	104,788					104,788
2.4	Huyện Tây Sơn	1	1				120,293	120,293					120,293
2.5	Huyện Vĩnh Thạnh	2	2				194,727	194,727					194,727
2.6	Thành phố Quy Nhơn	1	1				195,013	195,013					195,013
3	Cán bộ, công chức cấp xã	27	17	0	9	1	1,365,953	782,928	86,903	432,964	63,158	61,166	1,304,787
	Huyện Hoài Ân	8	6		2		405,221	293,717		111504		13377	391,844
	Huyện Hoài Nhơn	6	3		3		296,854	183,095		113759		17979	278,875
	Huyện Phù Cát	8	5		2	1	400,132	129,273		207701	63158	21534	378,598
	Huyện Tây Sơn	3	1		2		126,338	39,435	86903			8276	118,062

